

**1TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **17/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 28 - 02 - 2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Ngọc Thương; Ông Đặng Song Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 800/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2021 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07-01-2022; Quyết định hoãn phiên toàn số 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25-01-2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Ngọc D, sinh năm 1972 (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Hoàng Văn C, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: số 1515 B, phường M, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà Huỳnh Thị Ngọc D trình bày:

Bà D và ông Hoàng Văn C chung sống từ năm 1994, có tổ chức đám cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Tân Thành (nay là thị xã Phú Mỹ), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào năm 1996. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên khác biệt về quan điểm, tính cách, nên không hiểu và chia sẻ với nhau dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi vã. Đến năm 2015 thì mâu thuẫn càng trầm trọng, nguyên nhân do chồng tôi mỗi tháng chỉ đưa tôi 2.000.000đ tiền ăn, còn mọi sinh hoạt, chi phí trong gia đình tôi tự phải lo toan. Đến nay Bà D cảm thấy cuộc sống chung rất lạnh nhạt, mệt mỏi và áp lực. Vợ chồng đã sống ly thân khoảng 02 năm nay,

không ai quan tâm đến ai. Nay, bà thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, không thể tiếp tục chung sống, bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Hoàng Văn C.

- Về con chung: bà và ông C có 02 (hai) con chung tên Hoàng Huỳnh Mỹ D, sinh ngày 30-09-1995 và Hoàng Văn C, sinh ngày 28-07-2000. Hai con đã đủ tuổi trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25-11-2021 và ngày 16-02-2022, biên bản hòa giải ngày 25-11-2021, bị đơn ông Hoàng Văn C trình bày: ông C xác nhận điều kiện chung sống và kết hôn như Bà D trình bày là đúng sự thật. Trong quá trình chung sống, ông C thừa nhận vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn về tình cảm và tài chính. Nguyên nhân mâu thuẫn do khác biệt về lối sống, tính cách dẫn đến vợ chồng không có sự hòa hợp, thường hay cãi vã, hai vợ chồng đã sống ly thân, không gần gũi khoảng 02 năm nay. Ông C vẫn thương vợ con, mong Bà D cho cơ hội hàn gắn gia đình. Nay Bà D yêu cầu ly hôn, ông vẫn mong Bà D cho cơ hội để gia đình đoàn tụ, tuy nhiên nếu Bà D cương quyết ly hôn thì ông cũng không thể níu kéo nữa mà đồng ý ly hôn với Bà D.

- Về con chung: Ông và Bà D có 02 (hai) con chung tên Hoàng Huỳnh Mỹ D, sinh ngày 30-09-1995 và Hoàng Văn C, sinh ngày 28-07-2000. Hai con đã đủ tuổi trưởng thành nên ông không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông C vẫn vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, có đơn giải quyết vắng mặt nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Huỳnh Thị Ngọc D và ông Hoàng Văn C tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 28-05-1996 tại Ủy ban nhân dân xã Phước Hòa, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên quan hệ hôn nhân giữa Bà D và ông C là hợp pháp.

Bà D và ông C đều thừa nhận quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn về tình cảm và tài chính. Nguyên nhân do hai bên có sự khác biệt về quan điểm, tính cách, dẫn đến vợ chồng không hiểu, chia sẻ và tin tưởng nhau. Vợ chồng thường xuyên cãi vã. Bà D và ông C sống ly thân khoảng hơn 02 năm nay, không còn quan tâm, chia sẻ với nhau, mỗi người một cuộc sống riêng. Bà D cương quyết ly hôn, ông C có nguyện vọng hòa giải đoàn tụ gia đình. Tòa án

tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không hòa giải đoàn tụ được. Bà D cương quyết ly hôn thì ông C đồng ý. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông C và Bà D thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà D là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[3] Về con chung: Bà D và ông C xác nhận có 02 (hai) con chung tên Hoàng Huỳnh Mỹ D, sinh ngày 30-09-1995 và Hoàng Văn C, sinh ngày 28-07-2000. Hai con đã đủ tuổi trưởng thành, đương sự ông bà không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Án phí: Bà D phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Ngọc D được ly hôn với ông Hoàng Văn C.

2. Về con chung: Bà D và ông C có 02 (hai) con chung tên Hoàng Huỳnh Mỹ Duyên, sinh ngày 30-09-1995 và Hoàng Văn Chương, sinh ngày 28-07-2000. Hai con đã đủ tuổi trưởng thành, đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Thị Ngọc D và ông Hoàng Văn C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Án phí: Bà Huỳnh Thị Ngọc D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0001826 ngày 11-6-2020 của Chi cục Thi hành dân sự thành phố Vũng Tàu. Bà D đã nộp đủ.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu

cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thành phố Vũng Tàu;
- UBND xã P, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGÔ THỊ MINH HẢI

